

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 09/5/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Trâm

*Các Thẩm phán :* Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Bà Lê Thúy Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 96A/6/6 Trần P, phường L, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 133-135 Trần Quý C, phường P, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:*

Bà và ông Lê Văn B đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 29/8/2018. Theo đó, về con chung bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Triều D, sinh ngày 28/7/2014 và Lê Triều C, sinh ngày 16/12/2015, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa bà và ông B có thêm một con chung nữa tên Lê Triều A, sinh ngày 28/6/2019. Hiện nay, các cháu đều do bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ngày 01/9/2020, giữa bà và ông B cùng nhau ký thỏa thuận phân chia tài sản. Trong nội dung thỏa thuận, ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với 03 con chung đến năm 18 tuổi, mỗi tháng gửi 30.000.000 đồng, tức là 10.000.000 đồng/cháu/tháng. Tuy nhiên, ông B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà như thỏa thuận.

Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như sau: Đối với số tiền ông B không cấp dưỡng đúng thỏa thuận từ tháng 12 năm 2020 cho đến tháng 01 năm 2022, vì thời gian này việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nên yêu cầu ông B cấp dưỡng mỗi tháng 15.000.000

đồng cho 3 cháu, tức là 15.000.000 đồng × 13 tháng = 195.000.000 đồng. Thời gian từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận ngày 01/9/2020, tức mỗi tháng 30.000.000 đồng/ tháng đối với 03 con chung.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Văn B trình bày:*

Ông và bà T ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang năm 2018. Về thỏa thuận đề ngày 01/9/2020 giữa ông và bà T đối với con chung, ông thống nhất theo ý kiến trình bày của bà T.

Về yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con của bà T, ông có ý kiến như sau:

Hiện nay, cả 03 con chung đang được bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông vẫn đến thăm các cháu, mua sữa, đồ dùng cho các cháu. Từ sau ngày ký thỏa thuận phân chia tài sản ngày 01/9/2020, ông đã thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình từ ngày 23/4/2021 cho đến nay, ông không thực hiện cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận ngày 01/9/2020. Hiện tại do công việc làm ăn của ông không tốt, không có thu nhập nên tôi không cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị ông cấp dưỡng nuôi con chung thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T thay đổi một phần nội dung khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Lê Văn B cấp dưỡng nuôi 03 con chung với số tiền 15.000.000 đồng/ tháng (5000.000 đồng/tháng/cháu).

Bị đơn ông Lê Văn B giữ nguyên nội dung trình bày ở trên.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định.

Căn cứ:

- Điều 58, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

Buộc bị đơn ông Lê Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu: Lê Triều D, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014; Lê Triều C, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2015 và Lê Triều A, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019, mỗi cháu với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng (*Bốn triệu đồng/tháng*)

Khi có lý do chính đáng, bà Phạm Thị Thanh T có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng.

2. Phương thức và thời gian cấp dưỡng:

Ông Lê Văn B thực hiện việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, ông Lê Văn B có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B giữ nguyên nội dung kháng cáo là nguyện vọng ông muốn nuôi hai con chung, giao bà T nuôi một con chung hoặc ngược lại và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nếu không được thì yêu cầu sửa bản án sơ thẩm giảm mức cấp dưỡng nuôi các con chung cho ông theo mức cấp dưỡng 4.000.000đồng/tháng cho cả ba con chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn ông B còn trong thời hạn theo quy định. Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, ông B đề nghị cấp dưỡng nuôi ba con chung là các cháu Lê Triều A, Lê Triều C và Lê Triều D mỗi tháng 5.000.000đồng là quá thấp không đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 4.000.000đồng/tháng là quá cao không phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện tại của ông B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận nhận một phần kháng cáo của ông B giảm một phần tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ông B. Đối với ý kiến yêu cầu được nuôi một hoặc hai con chung của ông B, xét thấy nội dung này chưa được các đương sự yêu cầu và cũng chưa được xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 29/8/2018 bà Phạm Thị Thanh T và ông Lê Văn B thuận tình ly hôn, về con chung bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Triều D, sinh ngày 28/7/2014 và Lê Triều C, sinh ngày 16/12/2015, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn giữa bà và ông B có thêm một con chung nữa tên Lê Triều A, sinh ngày 28/6/2019. Ngày 01/9/2020, giữa bà T và ông B thỏa thuận

ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với 03 con chung đến năm 18 tuổi, mỗi tháng gửi 30.000.000 đồng, tức là 10.000.000 đồng/cháu/tháng. Nhưng sau đó ông B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T như thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Bắc phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

[3] Theo ông B trình bày hiện đang kinh doanh cửa hàng thời trang nhưng việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Về tài chính, hiện tại ông phải trả nợ Ngân hàng số tiền lớn (đang nợ hơn 13 tỷ đồng tại Ngân hàng). Bản thân ông cũng đang có 04 con với vợ Hoàng Thị Thu T là các cháu Lê Hoàng Vĩ V, sinh ngày 17/7/2018, Lê Hoàng Viễn V, sinh ngày 01/4/2020, Lê Hoàng Gia T, sinh ngày 03/6/2021 và Lê Hoàng Vũ V, sinh ngày 04/9/2022 nên ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con cho theo yêu cầu của bà T.

[4] Xét thấy, sau khi ly hôn cả 02 con chung là các cháu Lê Triều D, sinh ngày 28/7/2014 và Lê Triều C, sinh ngày 16/12/2015 đều do bà T nuôi dưỡng. Đến ngày 28/6/2019, giữa ông Bắc và bà Thủy có thêm 01 người con chung là cháu Lê Triều A. Từ đó đến nay, các cháu đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình các cháu ở chung với bà T, ông B có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 30.000.000 đồng từ tháng 9/2020 đến khoảng tháng 4/2021 thì ông thỏa thuận cam kết ngày 01/9/2020 là chưa làm tròn trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Bắc phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[5] Hiện tại, ông B và bà T đều làm nghề kinh doanh của hàng thời trang quần áo. Tại cấp sơ thẩm, cả hai đều xác nhận chi phí nuôi 3 con chung từ 8 đến 12 triệu đồng. Mặc dù, ông B cho rằng hiện hoàn cảnh ông khó khăn, ông phải trả Ngân hàng nhưng các khoản vay Ngân hàng của ông có mục đích mua nhà và mua xe ô tô, kinh doanh và đều là các khoản vay phát sinh vào năm 2022.

Hơn nữa, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như chi phí cho việc nuôi con là trách nhiệm chung của bà T và ông B. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cả ba con chung là 8.000.000 đồng/tháng. Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét thấy với mức 5.000.000 đồng/tháng mà ông B đưa ra cho cả ba con chung là quá thấp không đảm bảo cho các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn uống, học hành... của các cháu. Do các con chung đang ở cùng bà T và căn cứ vào hoàn cảnh và thu nhập thực tế hiện nay của các bên nên buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và có khó năng tự lao động là phù hợp.

Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với nội dung ông B trình bày trong nội dung đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không có đơn yêu cầu thay đổi nuôi con và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thụ lý và giải

quyết tranh chấp thay đổi nuôi con nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung này.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Lê Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Căn cứ vào Điều 58, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

Buộc bị đơn ông Lê Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con chung là: Lê Triều D, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014; Lê Triều C, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2015 và Lê Triều A, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2019 với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng*) cho mỗi con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, bà Phạm Thị Thanh T có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002852 ngày 09/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**Quy định chung:** Kể từ ngày bà Phạm Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn B chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Trâm**